



CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN NAM

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT (MSDS)

IMI.MOI 250SC

(Imidacloprid 250g/l)

Ký hiệu tiêu chuẩn: MSDS – QA – SC42

Đơn vị: QA

Ký hiệu: MSDS – QA – SC42

Sản phẩm: Imi.moi 250SC

Ban hành lần 1: 26/04/2021

Ban hành lần 2: 09/05/2022

Số trang: 13

	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Tên	Trần Văn Phương	Vũ Thị Quỳnh Như	Mai Văn Thịnh
Chức vụ	Nhân Viên	Trưởng Phòng	Phó Giám Đốc
Ngày	07.05.2022	07.05.2022	09.05.2022
Chữ ký			

	PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT (MSDS)	Mã số: MSDS – QA – SC42
	IMI.MOI 250SC (Imidacloprid 250g/l)	Lần ban hành: 02 Ngày ban hành: 09.05.2022 Trang số: 2/13

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT CỦA THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT IMI.MOI 250SC (Imidacloprid 250g/l)		
Số CAS: 69-72-7 Số UN: 3082 Số Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật: 7262/CNĐKT-BVTV		
I. NHẬN DIỆN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT		
Tên thông thường của hoạt chất: Không áp dụng. Tên thương phẩm: IMI.MOI 250SC Tên và địa chỉ tổ chức, cá nhân đăng ký hoặc phân phối: Công ty Cổ phần Kiên Nam Địa chỉ: Lô MB4-3, KCN Đức Hòa 1, Hạnh Phúc, Ấp 5, Xã Đức Hòa Đông, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An. Điện thoại: (0272) 3 779 824 – (0272) 3 779 825 Fax: (0272) 3 779 826 Tên và địa chỉ nhà sản xuất: Công ty TNHH Tập Đoàn An Nông Địa chỉ: Lô H7, Đường số 5, KCN Hải Sơn (GD 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An. Mục đích sử dụng: Dùng để phòng trừ mối gây hại cho công trình xây dựng.		Mã sản phẩm (nếu có) Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: Công ty Cổ phần Kiên Nam Địa chỉ: Lô MB4-3, KCN Đức Hòa 1, Hạnh Phúc, Ấp 5, Xã Đức Hòa Đông, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An. Điện thoại: (0272) 3 779 824 – (0272) 3 779 825 Fax: (0272) 3 779 826
II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT		

	PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT (MSDS)	Mã số: MSDS – QA – SC42
	IMI.MOI 250SC (Imidacloprid 250g/l)	Lần ban hành: 02 Ngày ban hành: 09.05.2022 Trang số: 3/13

Tên thành phần	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (g/L)
Imidacloprid	138261-41-3	$C_9H_{10}ClN_5O_2$	250
Phụ gia	---	---	750

III. NHẬN DIỆN ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

1. Mức phân loại nguy hiểm: Nhóm độc IV theo GHS ($300 \text{ mg/kg} < LD50 \leq 2000 \text{ mg/kg}$)

2. Cảnh báo nguy hiểm

❖ Cảnh báo:

- Gây tổn thương phổi nếu hít phải lượng lớn hơi thuốc bảo vệ thực vật, gây hại hệ thống tiêu hóa nếu nuốt phải thuốc bảo vệ thực vật, có thể gây kích ứng mắt nếu tiếp xúc với thuốc bảo vệ thực vật.
- Hoạt chất trong thuốc bảo vệ thực vật rất độc cho động vật thủy sinh và có gây tác hại lâu dài cho môi trường thủy sinh nếu thải bỏ thuốc bảo vệ thực vật vào nguồn nước.
- Luôn sử dụng dụng cụ bảo hộ cá nhân (giày, mũ, quần, áo, khẩu trang, kính, găng tay) khi sử dụng thuốc bảo vệ thực vật.

❖ Bảo quản:

- Sản phẩm phải được bảo quản nơi thoáng mát, khô ráo, tránh ánh nắng mặt trời, nhiệt độ không quá 40°C .
- Để xa tầm với của trẻ em.
- Không để chung với thực phẩm và thức ăn gia súc.

❖ Hướng dẫn sử dụng:

- Mang đầy đủ đồ bảo hộ lao động khi pha và phun thuốc như găng tay, khẩu trang, kính bảo hộ, mặc quần áo phòng hộ cá nhân, đi ủng.

Cây trồng	Sinh vật gây hại	Liều sử dụng	PHI	Cách dùng
-----------	------------------	--------------	-----	-----------

	PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT (MSDS)	Mã số: MSDS – QA – SC42
	IMI.MOI 250SC (Imidacloprid 250g/l)	Lần ban hành: 02 Ngày ban hành: 09.05.2022 Trang số: 4/13

Công trình xây dựng	Môi	0.15%	Không khuyến cáo	Quét trực tiếp lên bề mặt gỗ hoặc phun vào sàn gỗ, góc tường.
---------------------	-----	-------	------------------	---

❖ Hình đồ cảnh báo:



- Có hại nếu nuốt phải.
- Có thể có hại khi tiếp xúc với da.
- Có hại nếu hít phải.
- Gây kích ứng mắt.
- Có hại đối với sinh vật thủy sinh.

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: Gây kích ứng mắt, làm mờ mắt. Nặng có thể dẫn đến mù mắt.
- Đường thở: Gây khó thở.
- Đường da: Gây kích ứng da, dị ứng da.
- Đường tiêu hóa: Gây nôn, ói.

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU

1. Trường hợp tai nạn do tiếp xúc với mắt (bị dính vào mắt): Rửa dưới vòi nước sạch trong ít nhất 15 phút. Nếu triệu chứng vẫn tiến triển, đưa nạn nhân đến cơ sở y tế và mang theo nhãn sản phẩm.
2. Trường hợp tai nạn do tiếp xúc với da (bị dính vào da): Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn ngay và rửa sạch da với xà phòng dưới vòi nước chảy.
3. Trường hợp tai nạn do tiếp xúc qua hô hấp (hít thở phải thuốc bảo vệ thực vật dạng hơi, khí): Đưa nạn nhân ra khu vực thoáng khí, giữ ấm và nghỉ ngơi. Nếu triệu chứng tiếp tục tiến triển chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế và mang theo nhãn sản phẩm.

	PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT (MSDS)	Mã số: MSDS – QA – SC42
	IMI.MOI 250SC (Imidacloprid 250g/l)	Lần ban hành: 02 Ngày ban hành: 09.05.2022 Trang số: 5/13

4. Trường hợp tai nạn do tiếp xúc qua tiêu hóa (ăn, uống nuốt phải thuốc bảo vệ thực vật): Không gây nôn, chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế và mang theo nhãn sản phẩm.

5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có)

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI XẢY RA HỎA HOẠN

1. Phân loại khả năng gây cháy (dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy, không cháy, khó cháy...): Sản phẩm dễ cháy.

2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy: Khí carbon monoxide, carbon dioxide. Các khí độc là sản phẩm cháy của dung môi hữu cơ.

3. Các tác nhân gây cháy, nổ (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát ...): Nhiệt độ cao, ma sát, đổ vỡ...

4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy: Các chất tạo bọt kháng cồn, khí carbon dioxide, bột chữa cháy khô hoặc nước.

5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy: Quần áo chuyên dụng, găng tay chống cháy, mặt nạ kín với áp lực tiêu chuẩn.

6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có)

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ

1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ:

- Tuân theo tất cả các quy định tương ứng của địa phương và quốc tế.
- Tránh tiếp xúc với thuốc bảo vệ thực vật bị tràn đổ hay thất thoát.
- Cách ly khu vực nguy hiểm và không cho những người không có nhiệm vụ hay không được bảo vệ vào khu vực này.
- Đứng ở đầu gió và tránh những khu vực thấp.
- Ngăn chặn sự rò rỉ nếu có thể và không gây nguy hiểm.
- Loại bỏ tất cả các nguồn gây cháy nổ trong khu vực xung quanh.
- Sử dụng các vật liệu có khả năng hấp thụ (hấp thụ chế phẩm hay mức nước chữa cháy) để tránh làm ô nhiễm môi trường.
- Ngăn chặn sự lan rộng hay đi vào cống, rãnh hay sông bằng cách sử dụng cát, đất hay các vật chắn phù hợp khác.

	PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT (MSDS)	Mã số: MSDS – QA – SC42
	IMI.MOI 250SC (Imidacloprid 250g/l)	Lần ban hành: 02 Ngày ban hành: 09.05.2022 Trang số: 6/13

- Cố gắng phân tán hơi hay hướng dòng của chất tràn đổ vào một vị trí an toàn.
- 2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng:
 - Phải thông báo cho chính quyền địa phương nếu không khống chế được lượng chế phẩm bị đổ tràn ra.

VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với thuốc bảo vệ thực vật (thông gió, chỉ dùng trong hệ thống kín, vận chuyển nội bộ...)

- Sử dụng thiết bị và dụng cụ không phát lửa, có hệ thống thông gió tốt để kiểm soát và ngăn ngừa tràn đổ, rò rỉ thuốc bảo vệ thực vật trong khu vực làm việc.
- Nên sử dụng ống dẫn khí để giữ sự tiếp xúc nằm trong giới hạn.
- Găng tay, ủng, kính, áo khoác, tạp dề hoặc quần áo liền mảnh cần phải được sử dụng khi tiếp xúc.

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản (nhiệt độ, cách sắp xếp, các hạn chế về nguồn gây cháy, nổ, các chất cần tránh bảo quản chung...)

- Lưu trữ trong thùng kín tại nơi khô ráo, thoáng mát, riêng biệt và thông gió tốt, tránh xa nơi có thể gây cháy.
- Tránh nhiệt, độ ẩm và tránh các vật tương khắc.
- Bảo quản tránh sự hư hại về mặt cơ lí.
- Không tẩy rửa, sử dụng thùng chứa vì mục đích khác.
- Khi mở những thùng chứa kim loại không dùng những dụng cụ đánh lửa.
- Những thùng chứa khi hết vẫn có thể gây hại.
- Tuân thủ các cảnh báo và hướng dẫn cho sản phẩm.

VIII. AN TOÀN - BẢO HỘ LAO ĐỘNG

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc ...)

- Nơi làm việc phải có hệ thống thông gió tốt.
- Có hệ thống hút và xử lý khí thải.

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

	PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT (MSDS)	Mã số: MSDS – QA – SC42
	IMI.MOI 250SC (Imidacloprid 250g/l)	Lần ban hành: 02 Ngày ban hành: 09.05.2022 Trang số: 7/13

- Bảo vệ mắt: Kính bảo hộ. - Bảo vệ mặt: Mặt nạ phòng độc theo tiêu chuẩn NIOSH. - Bảo vệ thân thể: Quần áo dài tay. - Bảo vệ tay: Găng tay an toàn hoá chất. - Bảo vệ chân: Giày bảo hộ, ủng cao su. 3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố - Găng tay, ủng, kính, áo khoác, tạp dề hoặc quần áo liền mảnh cần phải được sử dụng khi tiếp xúc. 4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...) - Cởi bỏ quần áo sau khi tiếp xúc với thuốc bảo vệ thực vật. - Vệ sinh cá nhân sạch sẽ.

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

- Trạng thái vật lý: Dạng lỏng - Màu sắc: Màu trắng đến trắng ngà. - Mùi đặc trưng: Không có. - Khối lượng riêng (kg/m³): 1,02 – 1,10 ở 25°C - Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: Không có thông tin - Tỷ trọng hơi (không khí = 1, ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn): Không có thông tin - Độ hòa tan trong nước: Tan tốt trong nước - Độ pH: 6 – 8 ở 25°C	- Điểm sôi (°C): Không có thông tin - Điểm nóng chảy (°C): Không có thông tin - Nhiệt độ tự cháy (°C): Không có thông tin - Điểm chớp (°C) theo phương pháp xác định: Không có thông tin - Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): Không có thông tin - Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): Không có thông tin - Tỷ lệ hóa hơi: Không có thông tin - Các tính chất khác: (nếu có)
--	--

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

1. Tính ổn định (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...) - Ổn định ở điều kiện sử dụng và bảo quản bình thường.

	PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT (MSDS)	Mã số: MSDS – QA – SC42
	IMI.MOI 250SC (Imidacloprid 250g/l)	Lần ban hành: 02 Ngày ban hành: 09.05.2022 Trang số: 8/13

- Không có khả năng tự phản ứng.

2. Khả năng phản ứng:

- Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy
- Các phản ứng nguy hiểm (ăn mòn, cháy, nổ, phản ứng với môi trường xung quanh): Phản ứng cháy.
- Các chất có phản ứng sinh nhiệt, khí độc hại, các chất không bảo quản chung ...)
- Phản ứng trùng hợp

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên mẫu thử	Chỉ tiêu nghiên cứu	Kết quả	Phương pháp	Đối tượng thử	Phân loại
Imi.moi 250SC (Imidacloprid 250g/l)	Độc cấp tính qua miệng - LD ₅₀	1500 mg/kg	Miệng	Chuột	Nhóm IV theo GHS
	Độc cấp tính qua da - LD ₅₀	> 2000 mg/kg	Da	Chuột	Nhóm V theo GHS
	Độc cấp tính qua hô hấp - LC ₅₀	> 1,33 mg/l	Hô hấp	Chuột	Nhóm IV theo GHS
	Kích ứng mắt	Gây kích ứng mắt	Mắt	Thỏ	Nhóm 2B “Kích ứng mắt nhẹ” theo GHS
	Kích ứng da	Không gây kích ứng da	Da	Thỏ	Không phân loại theo GHS
	Khả năng gây dị ứng	Không gây dị ứng	Da	Chuột	Không phân loại theo GHS

	PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT (MSDS)	Mã số: MSDS – QA – SC42
	IMI.MOI 250SC (Imidacloprid 250g/l)	Lần ban hành: 02 Ngày ban hành: 09.05.2022 Trang số: 9/13

1. Các ảnh hưởng mãn tính (ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen ...): Không có thông tin. 2. Các ảnh hưởng độc khác: - Thuốc BVTV Imi.moi 250SC không gây dị ứng, thuộc nhóm “Không phân loại” theo GHS năm 2019. - Thuốc BVTV Imi.moi 250SC không gây kích ứng da, thuộc nhóm “Không phân loại” theo GHS năm 2019. - Thuốc BVTV Imi.moi 250SC gây kích ứng mắt, thuộc nhóm 2B “Kích ứng mắt nhẹ” theo GHS năm 2019.
--

XII. THÔNG TIN VỀ MÔI TRƯỜNG

1. Độc tính với sinh vật			
Tên mẫu	Đối tượng	Ảnh hưởng	Phân loại độc sinh thái
Imi.moi 250SC (Imidacloprid 250g/l)	Chim cút - <i>Coturnix japonica</i>	Cấp tính LD ₅₀	51-500 mg/kg Độc vừa phải đối với chim
	Cá – <i>Oncorhynchus mykiss</i>	Cấp tính 96h LC ₅₀	> 100 mg/l Thực tế không độc hại
	<i>Daphnia magna</i>	Cấp tính 48h EC ₅₀	> 100 mg/l Thực tế không độc hại
	Algae - <i>Scenedemus subspicatus</i>	Cấp tính 72h EC ₅₀	> 10 mg/l nhưng ≤ 100 mg/l Loại cấp tính 3
	Ong mật - <i>Apis mellifera</i>	Cấp tính, tiếp xúc, 48 h LD ₅₀	< 2 µg/Bee Độc cao đối với ong

	PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT (MSDS)	Mã số: MSDS – QA – SC42
	IMI.MOI 250SC (Imidacloprid 250g/l)	Lần ban hành: 02 Ngày ban hành: 09.05.2022 Trang số: 10/13

	Giun đất - <i>Eisenia foetida</i>	Cấp tính 14 ngày LC ₅₀	< 1000 mg/kg đất khô Độc đối với giun đất
--	-----------------------------------	--------------------------------------	--

2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học: Có khả năng bị phân hủy trong môi trường đất và nước.
- Chỉ số BOD và COD: Không có thông tin.
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: Không có thông tin.
- Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: Không có thông tin.

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp): Xử lý, tái chế rác thải theo luật định của địa phương, quốc gia.

2. Phân loại nguy hiểm của chất thải: Thải bỏ hóa chất tuân thủ theo qui định thải bỏ chất thải nguy hại. Tiêu hủy cả những thùng chứa, và chất còn lại khi không sử dụng.

3. Biện pháp tiêu hủy: Rác thải nguy hại và tiêu hủy trong lò thiêu chất thải theo tiêu chuẩn RCRA hay theo những phương pháp tiêu hủy chất thải theo tiêu chuẩn RCRA.

4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý.

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Tên quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định của Việt Nam: - Nghị định số 42/2020/NĐ-CP ngày 08/04/2020 của	3082	Chưa có thông tin	6.1	Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất	Ghi nhãn theo Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày	Là hoá chất nguy hiểm, khi sử dụng nên cẩn

	PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT (MSDS)	Mã số: MSDS – QA – SC42
	IMI.MOI 250SC (Imidacloprid 250g/l)	Lần ban hành: 02 Ngày ban hành: 09.05.2022 Trang số: 11/13

Chính phủ Quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa. - Nghị định số 109/2006/NĐ-CP ngày 22/09/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường sắt. Quy định quốc tế: - Bộ luật quốc tế về vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng đường biển (IMDG) do Tổ chức hàng hải Quốc tế ban hành năm 2018.					14/04/2017 của Chính phủ về Nhân hàng hóa và theo Thông tư 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/06/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quản lý thuốc bảo vệ thực vật.	thận trọng quá trình vận chuyển, bảo quản, sử dụng.
---	--	--	--	--	---	--

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh

	PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT (MSDS)	Mã số: MSDS – QA – SC42
	IMI.MOI 250SC (Imidacloprid 250g/l)	Lần ban hành: 02 Ngày ban hành: 09.05.2022 Trang số: 12/13

mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo): Không có thông tin. 2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký: Không có thông tin. 3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ: - Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007. - Nghị định 113/2017/NĐ-CP ngày 09 /10/2017 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất. - Nghị định số 42/2020/NĐ-CP ngày 08/04/2020 của Chính phủ Quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa. - Nghị định số 109/2006/NĐ-CP ngày 22/09/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường sắt. - Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 của Chính phủ về Nhãn hàng hóa. - Nghị định 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa. - Thông tư 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/06/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quản lý thuốc bảo vệ thực vật. - Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất.
XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC
Ngày tháng biên soạn Phiếu: 26/04/2021
Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 09/05/2022
Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Công ty cổ phần Kiên Nam
Lưu ý người đọc: - Những thông tin trong Phiếu này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về thuốc bảo vệ thực vật và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa

	PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT (MSDS)	Mã số: MSDS – QA – SC42 Lần ban hành: 02
	IMI.MOI 250SC (Imidacloprid 250g/l)	Ngày ban hành: 09.05.2022 Trang số: 13/13

rủi ro, tai nạn.

- Thuốc bảo vệ thực vật trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.
- Biểu mẫu Phiếu an toàn hóa chất này được soạn thảo dựa trên biểu mẫu **Phiếu an toàn hóa chất của thuốc bảo vệ thực vật trong Phụ lục XXXIX - Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/06/2015 của Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn** ban hành.



KINACO